

# HÌNH THỨC & NỘI DUNG KTHK2 TOÁN 11 (2020–2021)

o000o

1/ THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 ph.

2/ HÌNH THỨC LÀM BÀI: Tự luận. Làm trên mẫu giấy chung toàn trường.

3/ NỘI DUNG ĐỀ KTHK2:

| STT                  | Nội dung câu hỏi                                                                                                                                                          | Độ khó   |          |          |          | Điểm       |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|------------|
|                      |                                                                                                                                                                           | NB       | TH       | VD       | VDC      |            |
| <b><u>Bài 1:</u></b> | <b><i>Các dạng vô định</i></b>                                                                                                                                            |          |          |          |          | <b>3đ</b>  |
| <b>Câu a</b>         | $\frac{0}{0}$ (phân thức chứa bậc 2 <u>hoặc</u> 3)                                                                                                                        | x        |          |          |          | 1đ         |
| <b>Câu b</b>         | $\infty - \infty$ (căn bậc 2 <u>hoặc</u> 3)                                                                                                                               |          | x        |          |          | 1đ         |
| <b>Câu c</b>         | Giới hạn 1 bên dạng phân thức (xét dấu)                                                                                                                                   |          |          | x        |          | 1đ         |
| <b><u>Bài 2:</u></b> | <b><i>Hàm số liên tục: Dạng <math>\frac{0}{0}</math> (căn thức bậc 2 hoặc 3. Sử dụng giới hạn 1 bên).</i></b>                                                             |          |          |          |          | <b>1đ</b>  |
|                      | Xét tính liên tục của hàm số tại 1 điểm.<br><u>hoặc</u><br>Tìm tham số sao cho hàm số liên tục tại 1 điểm.                                                                |          | x        |          |          |            |
| <b><u>Bài 3:</u></b> | <b><i>Tính đạo hàm bằng công thức &amp; qui tắc hàm hợp</i></b>                                                                                                           |          |          |          |          | <b>1đ</b>  |
|                      | Tính đạo hàm hàm số chứa căn bậc 2, chứa biểu thức lượng giác.                                                                                                            |          | x        |          |          |            |
| <b><u>Bài 4:</u></b> | <b><i>Phương trình tiếp tuyến</i></b>                                                                                                                                     |          |          |          |          | <b>1đ</b>  |
|                      | Tìm phương trình tiếp tuyến song song <u>hoặc</u> vuông góc với 1 đường thẳng cho trước <u>hoặc</u> tiếp tuyến đi qua 1 điểm. (Hàm số dạng phân thức). Được sử dụng ĐKTX. |          | x        |          |          |            |
| <b><u>Bài 5:</u></b> | <b><i>Hình chóp có hình chiếu của đỉnh trên mặt đáy nằm trên đường cao mặt đáy (đáy là tam giác) hoặc nằm trên đường chéo mặt đáy (đáy là hình vuông, chữ nhật)</i></b>   |          |          |          |          | <b>4đ</b>  |
| <b>Câu a</b>         | CM đường thẳng vuông góc mặt phẳng.                                                                                                                                       | x        |          |          |          | 1đ         |
| <b>Câu b</b>         | CM hai mặt phẳng vuông góc.                                                                                                                                               | x        |          |          |          | 1đ         |
| <b>Câu c</b>         | Tính khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng (có sử dụng đt//mp)                                                                                                                |          |          | x        |          | 1đ         |
| <b>Câu d</b>         | Tính góc giữa 2 mặt phẳng<br><u>hoặc</u><br>Tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng.                                                                                       |          |          |          | x        | 1đ         |
| <b>Tổng cộng</b>     |                                                                                                                                                                           | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>2</b> | <b>1</b> | <b>10đ</b> |